ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 03 /2017/QĐ-UBND	*Sóc Trăng, ngày 19 tháng 01 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT- BNNPTNT ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Điểm a Khoản 1 Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 205/2015/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về cơ chế tài chính thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- HTĐT: phongkiemtravanban2012@gmail.com;
- Lưu: VT, KT, TH. (40b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiểu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03 /2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định cụ thể chính sách hỗ trợ hộ chăn nuôi về phối giống nhân tạo đối với heo, trâu, bò; hỗ trợ mua heo, trâu, bò đực giống, gà, vịt bố mẹ hậu bị; hỗ trợ xử lý chất thải chăn nuôi; đào tạo kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2016 - 2020.

2. Các hộ gia đình trực tiếp chăn nuôi heo, trâu, bò, gia cầm, trừ các hộ chăn nuôi gia công cho các doanh nghiệp (sau đây gọi là hộ chăn nuôi), người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 2. Hỗ trợ phối giống nhân tạo đối với heo, trâu, bò

1. Điều kiện hưởng hỗ trợ

a) Hộ chăn nuôi dưới hoặc 10 con heo nái; dưới 10 con trâu, bò sinh sản, có nhu cầu, làm đơn đăng ký và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

b) Sử dụng loại tinh theo quy định tại Khoản 2 Điều này, có nhãn mác rõ ràng và tiêu chuẩn, chất lượng phù hợp hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Loại tinh được hỗ trợ

a) Tinh heo: Là tinh lỏng sản xuất từ lợn đực giống đã được giám định, bình tuyển đạt tiêu chuẩn chất lượng như Yorshire, Landrace, Duroc, Pidu, Pietrance, LY.

b) Tinh trâu, bò: Các loại tinh trâu, bò được sản xuất, nhập khẩu bởi các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước nằm trong danh mục quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Đơn giá liều tinh và vật tư phối giống nhân tạo: Theo thời điểm lập kế hoạch hỗ trợ hàng năm.

4. Tiêu chuẩn chất lượng liều tinh

a) Đối với heo: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT.

b) Đối với trâu, bò: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT.

5. Mức hỗ trợ

a) Tinh heo: Hỗ trợ 100% kinh phí về liều tinh cho các hộ chăn nuôi để thực hiện phối giống cho heo nái, mức hỗ trợ 01 liều tinh cho một lần phối giống (trường hợp không đậu thai được hỗ trợ thêm 01 liều tinh cho lần phối giống tiếp theo) và không quá 05 liều tinh cho một heo nái/năm.

b) Tinh trâu, bò và vật tư phối giống nhân tạo: Hỗ trợ 100% kinh phí về liều tinh (tinh đông lạnh) và vật tư phối giống nhân tạo (Nitơ lỏng, găng tay, dẫn tinh quản hoặc ống dẫn tinh) cho các hộ chăn nuôi để phối giống cho trâu, bò cái sinh sản, mức hỗ trợ không quá 02 liều tinh/bò thịt/năm, 04 liều tinh/bò sữa hoặc trâu/năm.

6. Định mức vật tư phối giống nhân tạo đối với trâu, bò

a) Nitơ lỏng dùng để vận chuyển tinh đi phối giống: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT; cụ thể 01 lít 01 cọng tinh, nhưng tối đa đến 03 lít/01 con trâu, bò cái có chửa.

b) Các vật tư khác

- Dụng cụ phối giống (găng tay, dẫn tinh quản hoặc ống dẫn tinh): 01 bộ/01 lần phối.

- Súng bắn tinh: 01 cái/dẫn tinh viên, được hỗ trợ 01 lần.

Điều 3. Hỗ trợ mua heo, trâu, bò đực giống và gà, vịt giống bố mẹ hậu bị

1. Điều kiện hưởng hỗ trợ

a) Hộ chăn nuôi heo, trâu, bò đực giống để phối giống dịch vụ hoặc nuôi gà, vịt giống gắn với ấp nở cung cấp con giống có nhu cầu, làm đơn đăng ký và cam kết thực hiện nghiêm kỹ thuật chăn nuôi an toàn theo Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

b) Mua loại giống theo quy định tại Khoản 2 Điều này, có nguồn gốc từ các cơ sở sản xuất giống vật nuôi, có lý lịch rõ ràng đối với heo, trâu, bò hoặc phẩm cấp giống phù hợp đối với gà, vịt; có tiêu chuẩn chất lượng phù hợp theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Mỗi hộ chỉ được hỗ trợ một lần để mua một trong các loại giống sau: Hoặc heo đực giống hoặc trâu đực giống hoặc bò đực giống hoặc gà giống hoặc vịt giống.

2. Loại giống được hỗ trợ: Các giống quy định tại Thông tư số 25/2015/TT-BNNPTNT ngày 01/7/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục giống vật nuôi được sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam, cụ thể như:

a) Heo đực giống: Các giống heo ngoại (Yorshire, Landrace, Duroc, Pietrance, Pidu, Dupi).

b) Trâu, bò đực giống: Các giống bò ngoại thuần, bò lai trên 50% máu ngoại đã qua bình tuyển thuộc các giống bò Zebu, Droughtmaster; giống trâu nhập ngoại hoặc giống trâu đực nội theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT.

c) Gà, vịt giống bố mẹ hậu bị: Các giống gà lông màu BT2, Ri, gà Chọi; các giống vịt Super, CV2000, Grimaud, Khakicampel và các giống gà, vịt có chất lượng khác.

3. Mức hỗ trợ

a) Đối với heo, trâu, bò đực giống: Hỗ trợ một lần bằng 50% giá trị con giống heo, trâu, bò đực giống cho các hộ chăn nuôi ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn để thực hiện phối giống dịch vụ như sau:

- Hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/01con heo đực giống từ 6 tháng tuổi trở lên và mỗi hộ chăn nuôi được hỗ trợ mua không quá 03 con.

- Hỗ trợ mỗi hộ mua 01 con trâu hoặc 01 con bò đực giống; mức hỗ trợ không quá 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)/01 con bò đực giống từ 12 tháng tuổi trở lên và không quá 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng)/01 con trâu đực giống từ 24 tháng tuổi trở lên.

b) Hỗ trợ một lần bằng 50% giá trị gà, vịt giống bố mẹ hậu bị, mức hỗ trợ bình quân đối với gà, vịt giống không quá 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng)/01 con. Mỗi hộ chăn nuôi được hỗ trợ mua không quá 200 con gà hoặc vịt giống bố mẹ hậu bị từ 08 tuần tuổi trở lên.

Điều 4. Hỗ trợ về xử lý chất thải chăn nuôi

1. Điều kiện hưởng hỗ trợ

a) Chăn nuôi với quy mô thường xuyên không ít hơn 05 con heo nái hoặc 10 con heo thịt hoặc 03 con trâu, bò hoặc 200 con gia cầm sinh sản và tương đương; có nhu cầu xây dựng mới công trình khí sinh học (hầm biogas) hoặc làm đệm lót sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi, làm đơn đăng ký và được UBND cấp xã xác nhận.

b) Có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc xây mới hầm biogas hoặc làm đệm lót sinh học đáp ứng hướng dẫn kỹ thuật theo quy định tại Khoản 2 Điều 4, Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT.

c) Mỗi hộ chỉ được hưởng kinh phí hỗ trợ hoặc xây dựng mới hầm biogas hoặc làm đệm lót sinh học.

2. Đơn giá và mức hỗ trợ

a) Đơn giá: Theo thời điểm lập kế hoạch hỗ trợ hàng năm.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần bằng 50% nhưng tối đa không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/01 công trình xây dựng mới hầm biogas hoặc đệm lót sinh học.

Điều 5. Hỗ trợ khuyến khích phát triển phối giống nhân tạo gia súc

1. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn

a) Điều kiện hưởng hỗ trợ

- Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 4 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg.

- Được đào tạo, tập huấn tại các cơ sở do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn.

- Thời gian tập huấn tối thiểu 21 ngày, trong đó thời gian học lý thuyết chiếm 1/3 chương trình, thời gian thực hành chiếm 2/3 chương trình.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần bằng 100% kinh phí đào tạo, tập huấn cho các cá nhân về kỹ thuật phối giống nhưng không quá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/người.

2. Hỗ trợ mua bình chứa Nitơ lỏng cho người làm dịch vụ phối giống gia súc

a) Điều kiện hưởng hỗ trợ: Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 4 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg.

b) Đơn giá: Theo thời điểm lập kế hoạch hỗ trợ hàng năm.

c) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần bằng 100% kinh phí mua bình chưa Nitơ lỏng, nhưng không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/01 bình/01 người.

Điều 6. Phương thức hỗ trợ, cơ chế quản lý và nguồn kinh phí hỗ trợ

1. Phương thức hỗ trợ

a) Hỗ trợ về kinh phí liều tinh heo và kinh phí vật tư phối giống nhân tạo trâu, bò cho các hộ chăn nuôi thông qua các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi hoặc vật tư chăn nuôi theo quy định hiện hành, được Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định và giao kế hoạch. Kinh phí hỗ trợ cho các cơ sở căn cứ theo đơn giá liều tinh, vật tư theo định mức quy định tại Khoản 3 Điều 2 Quy định này nhân (x) với số thực tế cung cấp cho các hộ chăn nuôi trong kế hoạch số lượng được giao hàng năm.

b) Hỗ trợ trực tiếp cho hộ chăn nuôi sau khi các hộ đã mua heo, trâu, bò đực giống, gà, vịt giống bố mẹ hậu bị; có hóa đơn tài chính theo quy định.

c) Hỗ trợ trực tiếp cho hộ chăn nuôi sau khi các hộ đã xây hầm biogas hoặc làm đệm lót sinh học.

d) Hỗ trợ trực tiếp cho người đi đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc sau khi hoàn thành khóa đào tạo, tập huấn; có chứng chỉ của cơ sở đào tạo, tập huấn.

đ) Hỗ trợ trực tiếp cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc sau khi mua bình chứa Nitơ lỏng; có hóa đơn tài chính theo quy định.

e) Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

2. Cơ chế quản lý và nguồn kinh phí hỗ trợ

a) Cơ chế quản lý kinh phí hỗ trợ

- Đối với kinh phí hỗ trợ phối giống nhân tạo cho heo, trâu, bò (quy định tại Điều 2 Quy định này): Được cấp về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và thanh toán trực tiếp về cho các đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi hoặc vật tư chăn nuôi được Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định và giao kế hoạch. Đối với kinh phí hỗ trợ từ các chương trình, dự án do cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện chi trả.

- Đối với các kinh phí hỗ trợ còn lại: Được cấp bổ sung có mục tiêu về ngân sách cấp huyện để thanh toán hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng được thụ hưởng.

b) Nguồn kinh phí hỗ trợ

- Nguồn ngân sách nhà nước, bao gồm:

+ Ngân sách địa phương.

+ Kinh phí cấp bù từ ngân sách Trung ương.

- Kinh phí từ các chương trình, dự án Trung ương và địa phương; các tổ chức kinh tế - xã hội; các chương trình hợp tác quốc tế khác (nếu có).

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Hàng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định và công bố danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi hoặc vật tư chăn nuôi cung cấp liều tinh, con giống và vật tư đảm bảo chất lượng cho người chăn nuôi chủ động lựa chọn.

b) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ nhu cầu thị trường về các sản phẩm chăn nuôi và nhu cầu thực tế, lập kế hoạch hàng năm về kinh phí hỗ trợ theo Quy định này, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và giao kế hoạch trước tháng 8 của năm trước liền kề để các đơn vị, cơ sở chủ động cung cấp đủ về số lượng, chất lượng, thúc đẩy chăn nuôi phát triển hiệu quả, bền vững.

c) Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính xem xét, thẩm định đơn giá các loại vật tư, con giống, sản phẩm hàng hóa được hỗ trợ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

d) Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Quy định này tại các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan; tổng hợp, báo cáo tình hình và kết quả triển khai thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Tổng hợp kế hoạch kinh phí hỗ trợ hàng năm theo Quy định này gửi Bộ Tài chính đề nghị Trung ương cấp hỗ trợ theo đúng quy định của Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg.

b) Hàng năm, căn cứ khả năng ngân sách và các nguồn tài chính khác, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện chính sách có hiệu quả; hướng dẫn cơ chế tài chính và thủ tục thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch và phân bổ kế hoạch kinh phí hỗ trợ hàng năm theo Quy định này cho các địa phương, đơn vị đảm bảo phù hợp nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, đơn vị để tổ chức thực hiện.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai, phổ biến rộng rãi Quy định này đến các tầng lớp nhân dân trên địa bàn.

b) Hàng năm, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức điều tra, thống kê lập danh sách các hộ (đến từng ấp, khóm) trên địa bàn có nhu cầu được hỗ trợ kinh phí

theo Quy định này, gửi cơ quan chuyên môn cấp huyện tổng hợp, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính trước ngày 31/7 của năm trước liền kề, để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn (Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố và Trạm Chăn nuôi và Thú y) xác nhận các hộ mua con giống và áp dụng kỹ thuật xử lý chất thải đáp ứng quy định để được hưởng chính sách hỗ trợ; triển khai kế hoạch hỗ trợ hàng năm trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

d) Chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ được phân bổ hàng năm theo đúng quy định và hướng dẫn của các sở, ngành liên quan.

đ) Định kỳ 6 tháng (trước ngày 25/6) và 01 năm (trước ngày 31/12) tổng hợp, báo cáo tình hình và kết quả triển khai thực hiện chính sách trên địa bàn, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

e) Tổ chức thực hiện hỗ trợ đúng đối tượng, công khai danh sách các đối tượng được hưởng đến từng ấp, khóm, xã, phường, thị trấn, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chính sách tại địa phương.

Điều 8. Trách nhiệm của các hộ chăn nuôi

1. Chăn nuôi đảm bảo vệ sinh phòng dịch, bảo vệ môi trường gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Chăm sóc, nuôi dưỡng, khai thác con đực giống 24 tháng trở lên đối với heo, 48 tháng trở lên đối với trâu, bò; trừ trường hợp con đực giống bị chết, thải loại do bệnh hoặc thiên tai.

3. Không sử dụng con đực heo, trâu, bò không đạt tiêu chuẩn để phối giống dịch vụ.

4. Thực hiện đúng quy định, hướng dẫn để được hưởng chính sách hỗ trợ.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Lê Văn Hiểu